

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**

Năm báo cáo: **2012**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Education Cartography And Illustration Joint Stock Company (ECICO...JSC)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102137109 do Sở Kế hoạch – Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 15/06/2011

- Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Số điện thoại: 04.39713947 - 04.38213786

- Số fax: 04.39728395

- Website: www.bandotranhanh.vn

- Mã cổ phiếu: **ECI**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

+ Việc thành lập:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiền thân là Trung tâm Bản đồ giáo khoa, trực thuộc Tổng công ty Cơ sở vật chất và thiết bị - Bộ Giáo dục, được thành lập tháng 5 năm 1989 với 08 cán bộ, nhân viên, làm nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu khoa học, lấy thu bù chi.

Năm 1996, Trung tâm Bản đồ giáo khoa được chuyển thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục, phát triển sản xuất và cung ứng đầy đủ, đồng bộ, kịp thời bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, atlas, tập bản đồ phục vụ giáo viên và học sinh trong cả nước.

Năm 2003 Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chuyển đổi thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Công ty mẹ Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 02 tháng 01 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục với mức vốn điều lệ là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng).

Được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông Công ty theo quyết định số 01/NĐ-ĐHĐCĐ-2007 ngày 28/03/2008, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 3.400.000.000 đồng lên 18.600.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Với 24 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã góp phần đáng kể trong việc xây dựng ngành khoa học bản đồ giáo khoa, phục vụ sự nghiệp giáo dục. Công ty cũng đã tham mưu với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng Bản đồ giáo khoa, gồm các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về bản đồ giáo khoa để chỉ đạo chuyên môn, thẩm định hệ thống tiêu chuẩn các loại hình bản đồ giáo khoa, phương pháp lập, sử dụng bản đồ giáo khoa, đóng góp ý kiến cũng như phát hiện, đề xuất các vấn đề có liên quan đến nội dung, loại hình và phương pháp sử dụng bản đồ giáo khoa trong trường phổ thông, cung cấp bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục cho toàn ngành giáo dục trên cả nước.

+ Niêm yết:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (trừ loại Nhà nước cấm);

- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (trừ loại Nhà nước cấm);

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;

- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;

- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;

- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

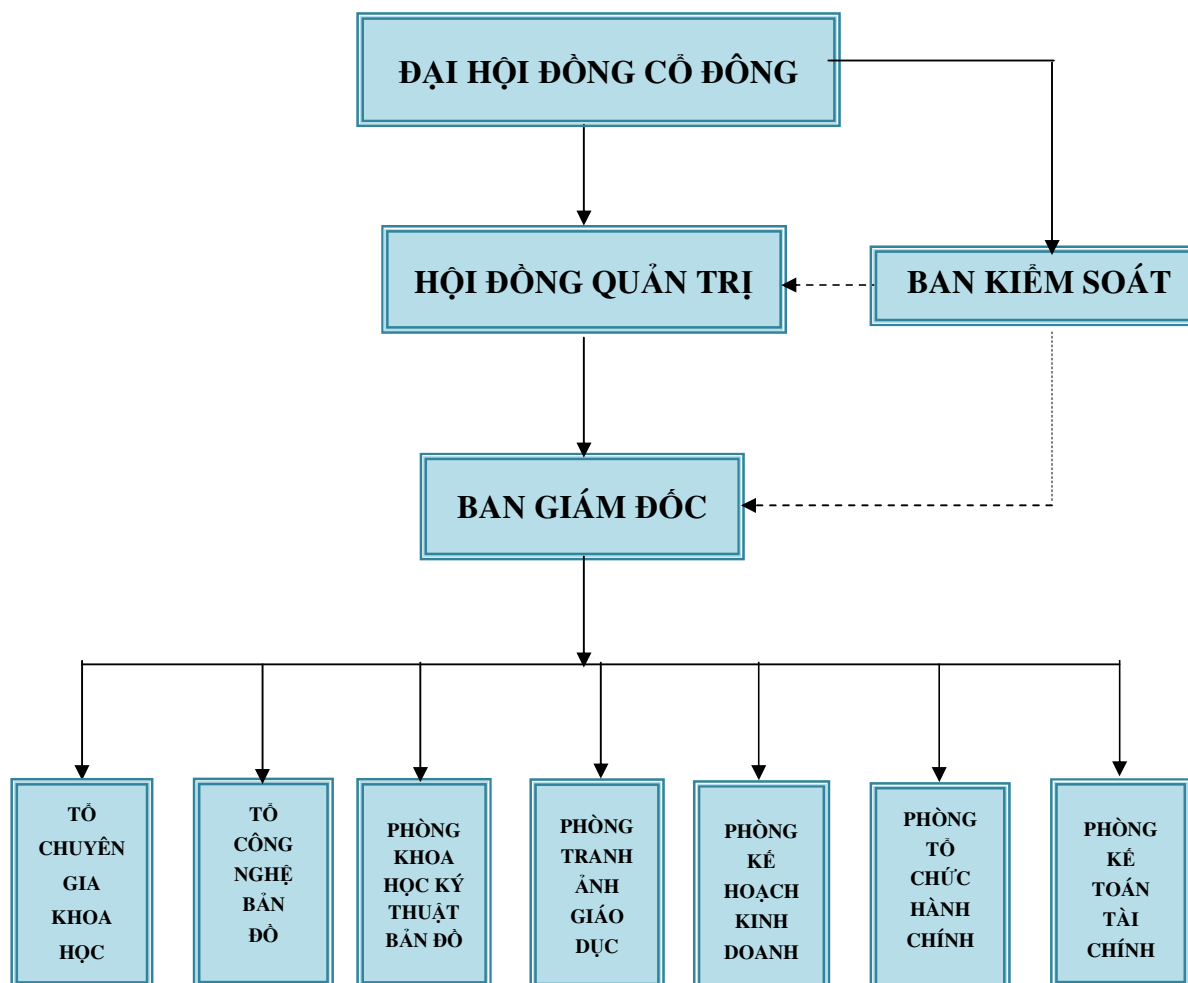
+ Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty cổ

phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua vào ngày 03 tháng 10 năm 2008.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC



Ghi chú: —> : Quản lý, điều hành trực tiếp
 ---> : Giám sát hoạt động

4.1 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

4.1.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

4.1.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu.

4.1.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ.

4.1.4 Ban Giám đốc

❖ Giám đốc Công ty:

Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Phó Giám đốc Công ty:

Các Phó Giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

❖ Kế toán trưởng Công ty:

Kế toán trưởng của Công ty giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật

4.1.5 Các phòng, ban chức năng

❖ Phòng Tổ chức - Hành Chính:

Quản lý và điều hành công tác hành chính, văn thư lưu trữ, thi đua khen thưởng, công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự, quản lý tài sản và trang thiết bị tại văn phòng Công ty, bảo vệ tài sản Công ty và các công tác chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác tuyển chọn người lao động có trình độ và sức khoẻ, nghiên cứu sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp năng lực, thực hiện chức năng hành chính quản trị, giúp Giám đốc về việc ngoại giao, tiếp khách, đối nội và đối ngoại.

Quản lý sử dụng con dấu Công ty đúng quy định của Công ty và nguyên tắc quản lý hành chính Nhà nước.

❖ **Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.**

Phòng được thành lập để thực hiện chức năng xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nghiên cứu thị trường, xây dựng danh mục sản phẩm, lên kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Khai thác thị trường sản phẩm.

Xây dựng và thực hiện chiến lược Marketing

Thực hiện công việc về kế hoạch kho vận, phát hành.

❖ **Phòng Kế toán -Tài chính:**

Phòng tài chính kế toán là phòng trực tiếp tham mưu cho Giám đốc tổ chức quản lý, điều hành nguồn lực tài chính đúng pháp luật mang lại hiệu quả cao không ngừng bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty

Tổ chức quản lý kế toán thống nhất, phản ánh kịp thời, chính xác tình hình sản xuất - kinh doanh - dịch vụ của từng bộ phận trong toàn Công ty cho Giám đốc.

Quản lý, lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán chặt chẽ, khoa học đúng nguyên tắc bảo mật do Nhà nước quy định.

Phân tích, cân đối các nguồn lực (nguồn nhân lực, nguồn tài chính và các nguồn lực khác) của Công ty để xây dựng và tổng hợp, hoạch định kế hoạch tổng thể và chi tiết phát triển SX-KD hàng năm, tham mưu cho Giám đốc phê duyệt.

Soạn thảo, xây dựng , đơn đốc thực hiện, giao các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo định kỳ hàng tháng, quý, năm cho Giám đốc và các cơ quan chức năng theo sự chỉ đạo của Giám đốc.

Thực hiện thanh toán theo các chính sách về lao động tiền lương, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

❖ **Tổ chuyên gia khoa học:**

Giúp Công ty trong công tác nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học, phát triển hệ thống bản đồ, tranh ảnh giáo khoa.

Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo cho các biên tập viên.

❖ **Phòng Khoa học – Kỹ thuật bản đồ**

Xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học về bản đồ giáo khoa; xây dựng hệ thống bản đồ giáo khoa cho nhà trường, tiêu chuẩn trang bị bản đồ giáo khoa, nghiên cứu, xây dựng và thiết kế mẫu bản đồ giáo khoa theo chương trình, kế hoạch phát triển của ngành giáo dục. Đội ngũ cán bộ của phòng là các cán bộ đi đầu trong công tác nghiên cứu, thiết kế và biên soạn bản đồ giáo khoa

❖ **Tổ Công nghệ bản đồ**

Nghiên cứu công nghệ thông tin vào công tác biên tập bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, như ứng dụng các phần mềm đồ họa Mapinfor, Illustrator, Coreldraw, photoshop,.... Với hệ thống máy móc, thiết bị kỹ thuật cao, được trang bị như các máy tính Macintosh, PC cấu hình cao, máy quét ảnh, máy in phun khổ lớn, máy chiếu đa

phương tiện...

Tổ Công nghệ đã ứng dụng phần mềm Best color proof vào công tác chế bản (phần mềm giả lập màu in offset) để nâng cao chất lượng sản phẩm.

❖ **Phòng Tranh ảnh giáo dục**

Xây dựng hệ thống lí luận và cơ sở khoa học về tranh ảnh giáo khoa, nghiên cứu, xây dựng thiết kế mẫu tranh ảnh giáo khoa theo chương trình Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện kế hoạch liên kết xuất bản, tổ chức bản thảo của Công ty theo các quy định, quy trình xuất bản sách của Nhà xuất bản Giáo dục.

Tham mưu, đề xuất việc xây dựng và thực hiện các quy trình, quy định, chế độ về công tác biên tập, tác giả và cộng tác viên.

***Các công ty con, công ty liên kết: không có công ty con, công ty liên kết.**

5. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã có những định hướng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu trên. Cụ thể:

*** Về sản phẩm:** Khai thác bản thảo theo kế hoạch truyền thống của Công ty: bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, atlas địa lý, tập bản đồ bài tập, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục...

- Tập trung xây dựng các sản phẩm bổ sung danh mục tối thiểu các cấp. Nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm cho chương trình giáo dục mầm non.

*** Về hoạt động Marketing:**

Tiếp tục thực hiện kế hoạch tuyên truyền quảng cáo sản phẩm, phát hành tờ rơi giới thiệu sản phẩm truyền thống tới các khách hàng có nhu cầu để các sản phẩm của Công ty dần tiếp cận được với đông đảo giáo viên và học sinh trong cả nước.

*** Về thị trường:**

Củng cố vững chắc thị trường đã có. Mặt khác, trên cơ sở đó, Công ty sẽ thường xuyên quan tâm đến việc tìm kiếm và mở rộng thị trường mới.

*** Kế hoạch nhân sự và công tác bồi dưỡng:**

Công ty tăng cường xây dựng và mở rộng đội ngũ tác giả và cộng tác viên có chuyên môn và uy tín.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tích cực triển khai, khai thác các đề tài mới của các mảng sản phẩm truyền thống của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu các nhu cầu mới của ngành giáo dục, nhất là các sản phẩm ngoài danh mục tối thiểu.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục rất nhiều cơ hội cũng như thách thức. Trong quá trình Nhà nước cắt bỏ dần cơ chế độc quyền kinh doanh, sức ép của một thị trường cạnh tranh đè nặng lên mọi hoạt động của một đơn vị vừa chuyển đổi khỏi cơ chế bao cấp.

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty là bản đồ, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, là những mặt hàng có ít có sự cạnh tranh do số lượng đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực này còn hạn chế. Tuy nhiên, với điều kiện thuê ngoài in ấn như hiện nay, Công ty chưa thể tối đa hóa lợi nhuận.

Với mặt hàng sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gần với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản (NXB) và một số công ty tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty.

Với mặt hàng thiết bị giáo dục, đây là mặt hàng có doanh thu lớn, sau mặt hàng bản đồ, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, đòi hỏi Công ty cần cập nhật thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật do tính đa dạng của sản phẩm. Đây là mặt hàng đặc thù do đó đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục nên có phần hạn chế về mặt số lượng.

Những biến động về chi phí vật tư, nguyên vật liệu và giá thiết bị giáo dục (chi phí đầu vào), yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng cao, đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

Bên cạnh đó, là một Công ty nằm dưới sự quản lý và điều tiết của Nhà xuất bản Giáo dục, hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng rất lớn trong biến động về chính sách của Nhà xuất bản Giáo dục.

+ Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa v.v...là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012:

1. Đặc điểm tình hình:

* Khó khăn:

- Tình hình kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nền kinh tế suy thoái: Giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, chi phí vận chuyển tăng cao, nguồn vốn hạn hẹp, khó tiếp cận, lãi suất có giảm so với năm 2011 nhưng vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp trong triển khai kế hoạch sản xuất – kinh doanh.

- Áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn; sức mua của xã hội giảm sút.

- Nạn in lậu, làm giả sản phẩm tiếp tục gia tăng.

* Thuận lợi:

- Năm 2012, Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam;

- Cán bộ trong công ty đã phát huy tính tự chủ, năng động, thích nghi với cơ chế thị trường, tiếp tục mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: dưới đây là tình hình hoạt động từng mặt cụ thể của Công ty trong năm 2012:

A. Công tác Biên tập - Xuất bản:

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Hoàn thành KH %
1. STK theo lớp	25	25	100
- Mới	4	4	100
- Tái bản	21	21	100
2. STK theo cấp	5	5	100
- Mới			
- Tái bản	5	5	100
3. Sách mầm non	5		
- Mới			
- Tái bản	5		
4. Sách DA, vụ, viện	4		
- Mới			
- Tái bản	4		
5. Bản đồ	183	137	75
- Mới			
- Tái bản	183	137	75
6. Tranh ảnh giáo khoa	133	69	52
- Mới	5	5	100
- Tái bản	128	64	50
Tổng cộng	355	236	66

Trong năm 2012, Công ty đã biên tập xuất bản được 236 đầu bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo đạt 66% kế hoạch năm.

B. Công tác In - Nhập kho:

Kết quả in - nhập kho

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	2.965.900	3.325.245	112
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	44.100	112.299	255
Tổng cộng	3.010.000	3.437.544	114

Trong năm 2012, Công ty đã In - Nhập kho được 3.437.544 sản phẩm bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo ... đạt 114 % kế hoạch năm.

C. Công tác Kế hoạch và Phát hành:

Kết quả phát hành theo mảng sản phẩm

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	3.121.800	3.280.090	105
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	97.200	136.845	141
3. Thiết bị giáo dục	327.759	450.110	137
Tổng cộng	3.546.759	3.867.045	109

Trong năm 2012, Công ty đã phát hành được 3.867.045 sản phẩm bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo... đạt 109 % kế hoạch năm.

Kết quả doanh thu theo mảng sản phẩm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	25.203.808	36.837.192	145
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	7.556.020	9.588.207	127
3. Thiết bị giáo dục	12.240.172	29.061.256	237
Tổng cộng	45.000.000	75.486.655	168

Trong năm 2012, Công ty đã đạt được doanh thu thuần về bán hàng là 75.486.655 nghìn đồng... đạt 168 % kế hoạch năm có được kết quả này là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty.

D. Một số chỉ tiêu tài chính cụ thể:

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1	Doanh thu thuần bán hàng và CC dịch vụ	10	18	75.486.655.736	56.040.447.151
2	Giá vốn hàng bán	11	19	57.370.495.012	42.585.831.178
3	Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		18.116.160.724	13.454.615.973
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	312.245.243	248.848.905
5	Chi phí hoạt động tài chính	22		21.000.000	-
6	Chi phí bán hàng	24		6.762.506.937	4.502.300.881
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.568.447.341	4.458.484.934
8	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		6.076.451.689	4.742.679.063
9	Thu nhập khác	31	21	94.111.125	38.185.762
10	Chi phí khác	32	22	150.429.366	37.669.433
11	Lợi nhuận khác	40		(56.318.241)	(516.329)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	6.020.133.448	4.743.195.392
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.233.451.840	861.567.512
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	4.786.681.608	3.881.627.880
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.720	2.097

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

STT	Diễn giải	Thực hiện năm 2012	KH thông qua Đại hội đồng cổ đông	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	75.893.012.104	45.000.000.000	168,65 %
2	Lợi nhuận trước thuế	6.020.133.448	4.500.000.000	133,78 %
3	Cổ tức	13%	13%	100%

- Trong năm Công ty đã vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...):

Trong năm 2012, Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm thị trường phát hành mới; thông qua các Công ty Sách - TBTH và đại lý đưa sản phẩm bản đồ, tranh ảnh, thiết bị giáo dục tới học sinh trong cả nước. Công ty đã tìm kiếm đối tác liên doanh sản xuất thiết bị giáo dục tiểu học, THCS, THPT và đã khẳng định được thương hiệu là đơn vị cung ứng thiết bị giáo dục trên thị trường.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Khi thực hiện hết đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 40 của Quốc hội, một số công ty thiết bị giáo dục đã chuyển hướng sang đầu tư lĩnh vực

khác, không đầu tư trọng điểm vào ngành giáo dục, đây là thị trường mở cho Công ty tìm kiếm mở mang thị trường mới. Hy vọng là với việc đẩy mạnh công tác marketing, thâm nhập thị trường, sản phẩm của Công ty ngày càng tiếp cận được với đông đảo giáo viên và học sinh trong cả nước.

Công ty chuẩn bị nhân lực tiến hành làm bản đồ, tranh ảnh giáo khoa thí điểm tiến tới đại trà phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

5. Kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính cụ thể năm 2013:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	51.000
2	Lợi nhuận trước thuế	“	5.000
3	Cổ tức	%	14%

III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

3.1 Danh sách Ban điều hành:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành:

Ngày sinh 15/8/1964 – Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật bản đồ

Quá trình công tác:

Từ 9/1988-12/1996: Biên tập viên Phòng KH-KT thuộc Trung tâm Bản đồ giáo khoa;

Từ 1/1997-12/1997: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

Từ 1/1998-2/2003: Phó Giám đốc Trung tâm Bản đồ sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

Từ 3/2003-5/2003: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

Từ T6/2003-1/2004: Quyền Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

Từ 2/2004-12/2006: Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

Từ 1/2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

2. Ông Lê Phú - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc:

Ngày sinh 25/2/1957 - Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

Từ 10/1987-6/1989: Nhân viên Trung tâm Bản đồ giáo khoa – Khoa Địa lý - Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 07/1989-4/1995: Biên tập viên Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa thuộc Tổng công ty cơ sở vật chất và thiết bị trường học - Bộ Giáo dục;

Từ T5/1995-10/1996: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa sau chuyển thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

Tháng 11/1996-5/2003: Trưởng phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

Tháng 6/2003-12/2006: Phó Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

Từ 1/2007 – nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

3. Ông Lê Huy – Phó Giám đốc Công ty

Ngày sinh 14/12/1974 – Nơi sinh: Nho Quan, Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng 10/1995 – tháng 6/2008: Nhân viên Trung tâm Bản đồ giáo khoa thuộc Tổng công ty cơ sở vật chất và Thiết bị trường học – Bộ Giáo dục và Đào tạo sau chuyển thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

Từ tháng 7/2008 – tháng 3/2012: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Từ tháng 4/2012 – đến nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

4. Bà Đặng Thị Như - Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng:

Ngày sinh 13/8/1977 – Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 10/1999-11/2008: kế toán viên Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục sau chuyển thành Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 1/12/2008-31/12/2008: Phó trưởng phòng KT-TC Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 1/1/2009 – 7/2/2010: Phụ trách Kế toán Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 8/2/2010 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

* **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2012, Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục có bổ sung 01 Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh từ tháng 4/2012.

* **Số lượng cán bộ, nhân viên.** Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 44 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

- a) Các khoản đầu tư lớn: Năm 2012 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không có công ty con, công ty liên kết

V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- a) **Tình hình tài chính**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	33.205.184	36.388.980	109,6%
Doanh thu thuần	56.040.447	75.486.655	134,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.742.679	6.076.451	128,12%
Lợi nhuận khác	516	(56.318)	
Lợi nhuận trước thuế	4.743.195	6.020.133	126,9%
Lợi nhuận sau thuế	3.881.627	4.786.681	123,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58,9%	48%	

- b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,3	3,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,4	2,4	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,29	0,31	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,45	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	4,76	6,89	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,68	2,07	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,069	0,063	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,12	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,085	0,080	

VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phần:

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	100.000	100.000
- Cổ phiếu thường	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu thường	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

b) Cơ cấu cổ đông: tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24/10/2012

Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1. Trong nước:	1.550.200	83,3%
+ Cá nhân:	1.044.026	
+ Tổ chức:	506.174	
- Nhà nước:	390.700	
- Tổ chức khác:	115.474	
2. Nước ngoài:	309.800	16,7%
+ Cá nhân:	100	
+ Tổ chức:	309.700	

- c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không thay đổi
- d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không giao dịch.
- e) **Các chứng khoán khác:** không nắm giữ chứng khoán của các tổ chức khác

VII. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

Trong năm 2012, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2012 thông qua, Ban Giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm còn nhiều khó khăn do giá cả đầu vào tăng liên tục, chính sách tiền tệ thắt chặt, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV trong năm qua hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã đạt những thành tựu đáng mừng, cụ thể:

1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012:

- Cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn/tổng số tài sản:	2,38%
Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản:	97,62%

- Cơ cấu nguồn vốn:

Nợ phải trả/tổng nguồn vốn:	30,97%
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn:	69,03%

- Khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	13,15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	6,34%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu:	19,05%

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012:

Tổng tài sản:	36,4 tỷ
+ Tài sản ngắn hạn:	35,5 tỷ
+ Tài sản dài hạn:	0,9 tỷ
+ Nợ phải trả:	11,3 tỷ
+ Vốn chủ sở hữu:	25,1 tỷ

- Tổng số trái phiếu thường lưu hành đến 31/12/2012: 0 trái phiếu

- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành đến 31/12/2012: 1.760.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 100.000 cổ phiếu

- Cổ tức trả lần 1: 7% (tương đương 700 đồng/cổ phiếu)

- Cổ tức trả lần 2: 6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu) dự kiến trả vào tháng 4/2013.

- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS): 2.720

2. Những chỉ số về kết quả sản xuất kinh doanh:

2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Tổng tài sản	30.531.764.882	33.205.184.460	36.388.980.592
Vốn chủ sở hữu	24.027.957.766	23.430.148.350	25.118.218.334

So sánh giá trị tài sản Công ty năm 2012 với năm 2009 sẽ thấy mức tăng là 1,19 lần điều này chứng tỏ quy mô của Công ty ngày càng mở rộng. Sự gia tăng tài sản của Công ty trong năm 2012 so với năm 2011 chủ yếu là do sự gia tăng của tiền và các khoản tương đương tiền.

2.2. Doanh thu và lợi nhuận:

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Doanh thu	50.003.570.053	56.040.447.151	75.486.655.736
Lợi nhuận sau thuế	3.579.476.839	3.881.627.880	4.786.681.608

Mức tăng doanh thu năm 2012 so với năm 2011 là 34,7% là nỗ lực đáng kể của Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính:**2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản:**

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Hệ số nợ/Tổng tài sản	21,3%	29,4%	30,97%

Mức tăng hệ số nợ qua các năm không đáng kể.

2.3.2. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	27,07%	41,72%	44,87%

Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của Công ty cũng luôn đảm bảo được tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn cụ thể.

2.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**2.4.1. Hệ số lợi nhuận ròng.**

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Hệ số LN ròng/doanh thu thuần	7,16%	6,93%	6,34%

2.4.2. Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA):

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
ROA	11,72%	11,69%	13,15%

Tỷ suất sinh lời ROA luôn được đảm bảo trong tình hình chi phí giá đầu vào nguyên vật liệu thay đổi liên tục: năm sau cao hơn năm trước; Công ty vẫn duy trì ROA ở mức cho phép là nỗ lực lớn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV.

2.5. Nhóm chỉ tiêu về chỉ số cổ phiếu (EPS):

EPS cho biết nhà đầu tư được hưởng lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu họ đang nắm giữ hàng năm là bao nhiêu. Chỉ số này càng cao thì càng được đánh giá tốt vì khi đó khoản thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ cao hơn.

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
EPS	1.924	2.097	2.720

3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2013:

1. Tập trung đầu tư biên soạn tái bản và nâng cấp các sản phẩm vốn là thế mạnh của Công ty, có nhu cầu thị trường cần thiết, ít cạnh tranh: Tranh ảnh giáo khoa cấp tiểu học theo hướng kết hợp dạy và thực hành; Atlas, Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí.

2. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đề ra, trong đó đặc biệt quan tâm kế hoạch biên tập, xuất bản - in để kịp thời cho kế hoạch phát hành đúng thời vụ.

3. Phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan Vụ, Viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở GD - ĐT, Công ty Sách và TBTH địa phương để tìm kiếm đề tài và phát hành sản phẩm.

4. Triển khai công tác giới thiệu, quảng cáo, tiếp thị và bán lẻ các sản phẩm thiết bị giáo dục. Từng bước chiếm lĩnh thị trường thiết bị giáo dục, trong đó tập trung phát triển thị trường thiết bị giáo dục Tiểu học.

5. Chuẩn bị đầy đủ nhân và lực thiết kế, biên tập bản đồ, tranh ảnh giáo dục phục vụ Đề án “Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục là một trong những đơn vị hàng đầu cung cấp bản đồ, tranh ảnh giáo khoa cho khắp các tỉnh, thành phố. Công ty luôn là đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo tin nhiệm giao nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và cung cấp mẫu bản đồ - tranh ảnh phục vụ chương trình thay sách. Các sản phẩm bản đồ và tranh ảnh giáo dục của Công ty đã được đông đảo học sinh và giáo viên cả nước tin dùng. Công ty đang chuẩn bị nguồn và lực cho chương trình thay sách sau năm 2015.

VIII. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hiện Công ty có 02 thành viên HĐQT đồng thời là thành viên Ban Giám đốc, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc. Ngoài các phiên họp, HĐQT thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT có những quyết sách linh hoạt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Mặc dù năm 2012 là năm đầy khó khăn, thách thức: ảnh hưởng, dư chấn của cuộc khủng hoảng kinh tế – tài chính (thế giới) chưa qua, thì cơn bão nợ công ập đến, đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế – xã hội ở nước ta. Chủ trương của Nhà nước, tái cấu trúc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách tiền tệ thắt chặt, điều chỉnh lãi suất ngân hàng (diễn biến chậm và nhỏ giọt), giá cả, lạm phát tăng cao, ngân sách giáo dục giành cho một số dự án bị cắt giảm. Tuy nhu cầu văn hoá, tinh thần và nhu cầu học tập tăng, nhưng đa số nhân dân còn nghèo, do tác động nhiều chiều, đời sống ngày càng khó khăn, nên sức mua không luỹ tiến theo nhu cầu. Tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị cung ứng thiết bị giáo dục ngày càng gay gắt. Nạn in lậu không có phương án khắc phục nhưng số lượng phát hành các sản phẩm truyền thống như atlát, tập bản đồ, thiết bị giáo dục giữ vững ổn định, mảng tranh ảnh giáo dục có giảm sút so với kế hoạch đề ra.

- Công tác tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị được đẩy mạnh qua nhiều hình thức hỗ trợ thiết thực cho việc phát hành sản phẩm: Xây dựng danh mục sản phẩm phục vụ năm học 2012-2013 gửi các Sở GD-ĐT; các Công ty STBTH trên cả nước; tích cực phát triển thị trường cũ và tiếp cận mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm mới.

- Liên danh với Công ty CP STBTH TP.HCM tham gia cung ứng thiết bị giáo dục THCS, THPT (xấp xỉ 4,9 tỷ) phục vụ nhu cầu mua sắm bổ sung của các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị trở ra khẳng định đây là hướng đi đúng đắn. Sự hợp tác chắc chắn của hai đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển chung của NXBGDVN.

- Trong năm 2012, Công ty đã tham gia đấu thầu và trúng thầu các gói thầu ở các tỉnh: Thái Bình, Quảng Bình, Bắc Ninh

- Liên danh với đơn vị cung cấp thiết bị giáo dục tiểu học có uy tín, cung ứng TBGD tiểu học cho các tỉnh, thành phố phía Bắc và một số tỉnh miền Trung. Số lượng phát hành ổn định và có tăng trưởng, Công ty đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường TBGD vốn cạnh tranh khốc liệt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và có những quyết sách linh hoạt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ 1 quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đầu tư khai thác bản thảo cho mảng sản phẩm truyền thống; xây dựng hệ thống đề tài phù hợp với mục tiêu, mang tính chiến lược và có giá trị cao, để nâng tính thương hiệu, tiếp cận với sự phát triển của thời đại.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc liên doanh liên kết với các Công ty sản xuất TBGD có uy tín tiến tới trở thành một doanh nghiệp cung ứng được nhiều chủng loại sản phẩm.

- Quyết tâm chỉ đạo, điều hành Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Tổng Giám đốc NXBGDVN giao. Trên cơ sở chủ trương, nghị quyết HĐQT tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt các chỉ tiêu cụ thể:

- + Tổng doanh thu: 51 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 5 tỷ đồng
- + Chi trả cổ tức năm 2013: 14%

IX. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Loan	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	4.000	
2	Trần Ngọc Bê	Phó chủ tịch HĐQT	87.100	T/v độc lập không điều hành
3	Lê Phú	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	6.100	
4	Phan Trung Phương	Ủy viên HĐQT	0	T/v độc lập không điều hành
5	Đặng Thị Như	Ủy viên HĐQT kiêm KTT	7.900	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2012/HĐQT-NQ	16/03/2012	Thông qua các nội dung chủ yếu sau: + Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. + Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011. + Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 bằng tiền theo tỷ lệ 6%. Ngày chốt danh sách cổ đông: 04/04/2012. Ngày thanh toán cổ tức: 27/04/2012. + Thời gian, nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012. + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. + Chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2012. + Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012.
2	02/2012/HĐQT-NQ	19/06/2012	Thông qua các nội dung chủ yếu sau: + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu năm 2012. + Kế hoạch sản xuất kinh doanh 7 tháng cuối năm 2012 phần đầu hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đề ra. + Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2011 bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28/04/2012. - Ngày đăng ký cuối cùng thanh toán cổ tức đợt 3 năm 2011: dự kiến đầu tháng 7 năm 2012. - Tỷ lệ thanh toán: 1%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 100 đồng) - Thời gian thanh toán: tháng 7 năm 2012
3	03/2012/HĐQT-NQ	05/10/2012	Thông qua các nội dung chủ yếu sau: + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2012. + Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền

			mặt. Tỷ lệ 7%. Thời gian thanh toán: 17/11/2012. + Chấp nhận là đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam với mối quan hệ theo quy định nội bộ của NXBGDVN. + Mua 01 xe ô tô tải để phục vụ công việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa. + Sử dụng quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế để mua cổ phiếu ECI. + Mức phân phối phụ cấp Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2012: 4% lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2012
4	04/2012/HĐQT-NQ	04/12/2012	Thông qua các nội dung chủ yếu sau: + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2012. + Chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt làm 2 đợt: 2.1. Đợt 1: - Tỷ lệ thanh toán: 7%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 700 đồng) - Thời gian thanh toán: ngày 14/11/2012 2.2. Đợt 2: - Tỷ lệ thanh toán: 6%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 600 đồng) - Thời gian thanh toán: dự kiến tháng 4 năm 2013

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có tiểu ban

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Ghi chú
1	Phạm Văn Hải	Trưởng Ban KS	4.118	
2	Lương Thị Thanh Xuân	Ủy viên Ban KS	0	T/v độc lập không điều hành
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên Ban KS	0	T/v độc lập không điều hành

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm Ban Kiểm soát tham gia vào hoạt động kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động của công ty.

- Tổ chức kiểm kê tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hàng tháng đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát.

- Tổ chức kiểm kê tài sản, vật tư, tiền vốn có đến thời điểm 0 giờ ngày 1/1/2013 theo đúng chế độ tài chính, thành lập các tổ kiểm kê và Hội đồng kiểm kê và tham gia xử lý kết quả kiểm kê.

- Tổ chức hạch toán kế toán chính xác, minh bạch như đánh giá trung thực, khách quan của Công ty Kiểm toán AAC.

- Ban kiểm soát tham gia kiểm tra hoạt động của công ty cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và đoàn kiểm toán độc lập.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Chức vụ	ĐVT	Mức PC 1 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	đồng/tháng	4.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	“	3.500.000
3	Ủy viên HĐQT	“	2.400.000
4	Trưởng ban Kiểm soát	“	1.200.000
5	Thành viên BKS	“	700.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
I	Cổ đông nội bộ					
1	Nguyễn Thị Hồng Loan	2.000	0,107	4.000	0,215	Mua cổ phiếu
2	Lê Phú	4.100	0,22	6.100	0,328	Mua cổ phiếu
3	Lê Huy	20.851	1,12	26.551	1,43	Mua cổ phiếu
4	Đặng Thị Như	4.200	0,226	7.900	0,425	Mua cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội đồng quản trị công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty.

X.BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 299/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/01/2013 của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

KT. Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

2.1 Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGĐĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2012: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.39711146 - 38213786
- Fax: (84) 04.39711404 - 38213786

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 44 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Ông Trần Ngọc Bê	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/05/2011
• Ông Lê Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Bà Đặng Thị Như	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Ông Phan Trung Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2011

Ban Kiểm soát

• Ông Phạm Văn Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
• Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
• Bà Lương Thị Thanh Xuân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2012
• Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/10/2008
		Miễn nhiệm ngày 28/04/2012

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Ông Lê Phú	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2007
• Ông Lê Huy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2012
• Bà Đặng Thị Như	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/02/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Loan
Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

2.2 Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.521.035.856	32.561.844.345
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.857.511.143	5.689.581.471
1. Tiền	111	5	8.857.511.143	2.666.112.026
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	4.000.000.000	3.023.469.445
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	30.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.105.069.086	17.704.124.824
1. Phải thu khách hàng	131		14.502.991.565	18.025.035.338
2. Trả trước cho người bán	132		13.376.475	13.741.951
3. Các khoản phải thu khác	135	7	21.943.615	32.225.752
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(433.242.569)	(366.878.217)
IV. Hàng tồn kho	140		8.318.557.177	8.932.246.708
1. Hàng tồn kho	141	9	9.903.720.593	10.241.565.215
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.585.163.416)	(1.309.318.507)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		239.898.450	205.891.342
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.563.335	167.699.674
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	1.060.283	1.168.068
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	229.274.832	37.023.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		867.944.736	643.340.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		867.944.736	643.340.115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	867.944.736	643.340.115
- Nguyên giá	222		3.353.367.574	2.919.820.528
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.485.422.838)	(2.276.480.413)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.000.000)	(35.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.388.980.592	33.205.184.460

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.270.762.258	9.775.036.110
I. Nợ ngắn hạn	310		11.270.762.258	9.736.758.265
1. Phải trả người bán	312		6.894.581.722	5.119.578.756
2. Người mua trả tiền trước	313		111.087.314	35.545.148
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	434.079.720	958.738.800
4. Phải trả người lao động	315		2.887.083.063	2.063.785.311
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	321.112.224	1.312.061.023
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		436.160.030	85.512.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		186.658.185	161.537.227
II. Nợ dài hạn	330		-	38.277.845
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	38.277.845
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.118.218.334	23.430.148.350
I. Vốn chủ sở hữu	410		25.118.218.334	23.430.148.350
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	18.600.000.000	18.600.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	16	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	1.322.620.858	1.322.620.858
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	764.177.242	570.095.848
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	16	194.081.394	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	4.963.444.147	3.663.536.951
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.388.980.592	33.205.184.460

2.3 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	75.964.333.340	56.400.280.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	477.677.604	359.832.928
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	75.486.655.736	56.040.447.151
4. Giá vốn hàng bán	11	18	57.370.495.012	42.585.831.178
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		18.116.160.724	13.454.615.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	312.245.243	248.848.905
7. Chi phí tài chính	22	20	21.000.000	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.000.000	-
8. Chi phí bán hàng	24		6.762.506.937	4.502.300.881
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.568.447.341	4.458.484.934
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.076.451.689	4.742.679.063
11. Thu nhập khác	31	21	94.111.125	38.185.762
12. Chi phí khác	32	22	150.429.366	37.669.433
13. Lợi nhuận khác	40		(56.318.241)	516.329
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	6.020.133.448	4.743.195.392
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.233.451.840	861.567.512
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	4.786.681.608	3.881.627.880
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.720	2.097

2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	80.699.696.249	56.461.343.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(60.034.122.966)	(50.423.812.373)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.654.593.457)	(3.795.122.692)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(21.000.000)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.937.668.207)	(800.195.526)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	788.834.798	384.424.134
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.997.044.875)	(1.435.344.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.844.101.542	391.292.411
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(502.447.546)	(139.666.000)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	2.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	30.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	312.434.676	251.371.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(158.012.870)	81.705.801
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(726.105.307)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	700.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(700.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.518.159.000)	(2.234.408.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.518.159.000)	(2.960.513.361)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.167.929.672	(2.487.515.149)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.689.581.471	8.177.096.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.857.511.143	5.689.581.471

2.5 Thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với tất cả tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của phần mềm máy tính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với phần mềm máy tính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	1,5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ: Áp dụng thuế suất 10%;
 - Đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục, đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Là doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	372.268.000	115.654.000
Tiền gửi ngân hàng	8.485.243.143	2.550.458.026
Cộng	8.857.511.143	2.666.112.026

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	4.000.000.000	3.023.469.445
Cộng	4.000.000.000	3.023.469.445

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000	18.189.433
Phải thu khác	3.943.615	14.036.319
Cộng	21.943.615	32.225.752

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	42.849.890	6.661.780
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	2.355.640	38.290.596
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	96.416.232	186.010.135
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	291.620.807	135.915.706
Cộng	433.242.569	366.878.217

9. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	-	21.577.013
Nguyên liệu, vật liệu	55.505.580	28.543.253
Chi phí SX, KD dở dang	122.397.188	3.818.074
Thành phẩm	6.900.836.415	7.674.992.671
Hàng hóa	2.824.981.410	2.512.634.204
Cộng	9.903.720.593	10.241.565.215

10. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.060.283	1.168.068
Cộng	1.060.283	1.168.068

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	10.000.000	-
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	219.274.832	37.023.600
Cộng	229.274.832	37.023.600

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	1.263.270.428	1.314.046.352	2.919.820.528
Mua sắm trong năm	-	383.984.818	118.462.728	502.447.546
Giảm trong năm	-	-	68.900.500	68.900.500
Số cuối năm	342.503.748	1.647.255.246	1.363.608.580	3.353.367.574
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	709.771.175	1.224.205.490	2.276.480.413
Khấu hao trong năm	-	165.131.144	112.711.781	277.842.925
Giảm trong năm	-	-	68.900.500	68.900.500
Số cuối năm	342.503.748	874.902.319	1.268.016.771	2.485.422.838
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	553.499.253	89.840.862	643.340.115
Số cuối năm	-	772.352.927	95.591.809	867.944.736

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012: 1.864.222.746 đồng.

Nguyên giá TSCĐ không cần sử dụng, cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31/12/2012: 415.951.562 đồng.

Không có tài sản cố định mang cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2012

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Kế toán VND	Phần mềm phát hành VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	157.351.145	861.567.512
Thuế thu nhập cá nhân	276.728.575	97.171.288
Cộng	434.079.720	958.738.800

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	139.433.119	79.337.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	181.679.105	1.232.723.046
- <i>Thù lao HĐQT & BKS</i>	<i>125.018.301</i>	<i>118.300.000</i>
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.841.000</i>	<i>1.056.000.000</i>
- <i>Thuế thu nhập cá nhân thu thừa</i>	<i>48.715.223</i>	<i>30.847.728</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>6.104.581</i>	<i>27.575.318</i>
Cộng	321.112.224	1.312.061.023

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	18.600.000.000	-	1.322.620.858	391.122.006	-	3.714.214.902
Tăng trong năm	-	(726.105.307)	-	178.973.842	-	3.881.627.880
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	3.932.305.831
Số dư tại 31/12/2011	18.600.000.000	(726.105.307)	1.322.620.858	570.095.848	-	3.663.536.951
Số dư tại 01/01/2012	18.600.000.000	(726.105.307)	1.322.620.858	570.095.848	-	3.663.536.951
Tăng trong năm	-	-	-	194.081.394	194.081.394	4.786.681.608
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	3.486.774.412
Số dư tại 31/12/2012	18.600.000.000	(726.105.307)	1.322.620.858	764.177.242	194.081.394	4.963.444.147

b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	100.000	100.000
- Cổ phiếu thường	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu thường	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.663.536.951	3.714.214.902
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.786.681.608	3.881.627.880
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	3.486.774.412	3.932.305.831
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm trước	2.254.774.412	2.876.305.831
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	194.081.394	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính	194.081.394	178.973.842
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	634.611.624	465.331.989
- Chia cổ tức	1.232.000.000	2.232.000.000
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm nay	1.232.000.000	1.056.000.000
- Tạm chia cổ tức	1.232.000.000	1.056.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.963.444.147	3.663.536.951

17. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	75.964.333.340	56.400.280.079
+ Doanh thu bán sách tham khảo	2.092.040.218	156.476.538
+ Doanh thu bán đồ tranh ảnh giáo dục	45.168.787.101	38.551.246.794
+ Doanh thu phim, băng đĩa	1.074.065.100	279.391.610
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	27.398.081.616	16.917.482.348
+ Doanh thu khác	231.359.305	495.682.789
Các khoản giảm trừ doanh thu	477.677.604	359.832.928
+ Chiết khấu thương mại	-	212.549.118
+ Hàng bán bị trả lại	477.677.604	147.283.810
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.486.655.736	56.040.447.151

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn sách tham khảo	1.766.818.653	146.346.473
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	31.289.637.689	27.297.427.501
Giá vốn phim, băng, đĩa	946.483.438	200.800.803
Giá vốn thiết bị giáo dục	23.180.876.484	14.850.452.493
Giá vốn hoạt động khác	186.678.748	90.803.908
Cộng	57.370.495.012	42.585.831.178

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	312.245.243	248.848.905
Cộng	312.245.243	248.848.905

20. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	21.000.000	-
Cộng	21.000.000	-

21. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	47.689.213	37.980.082
Thu từ bán thanh lý tài sản cố định	2.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	38.277.845	-
Các khoản thu nhập khác	6.144.067	205.680
Cộng	94.111.125	38.185.762

22. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Truy thu thuế GTGT	52.008.615	-
Phạt chậm nộp thuế	61.293.484	-
Xử lý hàng thiếu do kiểm kê	36.806.767	36.486.418
Các khoản chi phí khác	320.500	1.183.015
Cộng	150.429.366	37.669.433

23. Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.020.133.448	4.743.195.392
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	143.943.484	73.398.000
Điều chỉnh tăng	143.943.484	73.398.000
- Chi phí không hợp lệ	66.543.484	16.998.000
- Thù lao HĐQT & BKS	77.400.000	56.400.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.164.076.932	4.816.593.392
Trong đó thu nhập từ hoạt động tài chính	312.245.243	248.848.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.541.019.233	1.204.148.348
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% (*)	438.887.377	342.580.836
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.233.451.840	861.567.512
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.102.131.856	861.567.512
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước vào năm nay	131.319.984	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.786.681.608	3.881.627.880

(*) Thuế TNDN năm 2012 được giảm 30% theo Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.786.681.608	3.881.627.880
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.786.681.608	3.881.627.880
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.851.173
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.720	2.097

25. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất, tỷ giá

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Hiện nay, do không có nợ vay và các giao dịch bằng ngoại tệ nên Công ty không có rủi ro về tỷ giá và lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng hóa nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	6.894.581.722	-	6.894.581.722
Phải trả khác	181.679.105	-	181.679.105
Cộng	7.076.260.827	-	7.076.260.827

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	5.119.578.756	-	5.119.578.756
Phải trả khác	1.232.723.046	-	1.232.723.046
Cộng	6.352.301.802	-	6.352.301.802

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.857.511.143	-	12.857.511.143
Phải thu khách hàng	14.069.748.996	-	14.069.748.996
Phải thu khác	21.943.615	-	21.943.615
Tài sản tài chính khác	219.274.832	-	219.274.832
Cộng	27.168.478.586	-	27.168.478.586

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.689.581.471	-	5.689.581.471
Phải thu khách hàng	17.658.157.121	-	17.658.157.121
Phải thu khác	32.225.752	-	32.225.752
Đầu tư tài chính	30.000.000	-	30.000.000
Tài sản tài chính khác	37.023.600	-	37.023.600
Cộng	23.446.987.944	-	23.446.987.944

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh tranh ảnh bản đồ, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

27. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Mua tem chống lậu	234.313.580	72.280.000
Công ty Cổ phần Học liệu	Mua đĩa các loại	#####	192.450.000
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Mua thiết bị giáo dục	#####	#####
Công ty Cổ phần In SGK tại TP.Hà Nội	In tranh ảnh, bản đồ	#####	#####
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	985.911.500	551.484.000
Bán hàng			
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh, SGK	#####	#####
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh, SGK	#####	#####
Công ty Cổ phần Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh, SGK	485.023.540	#####
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bán bản đồ, tranh ảnh, SGK	402.338.000	232.900.100
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh, SGK	#####	#####

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nợ phải thu			
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	-	600.234.320
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	571.972.731	1.435.012.067
Công ty CP Học liệu	Phải thu khách hàng	145.898.155	1.697.234.615
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	170.483.940	892.980
Nợ phải trả			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Phải trả tiền hàng	93.728.900	-
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả tiền hàng	1.065.678.462	1.254.310.073
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả tiền hàng	139.215.000	287.154.260
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả tiền hàng	37.595.500	34.463.500
Công ty CP In SGK tại TP. Hà Nội	Phải trả tiền hàng	244.696.567	198.948.413

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.479.520.754	-
Chi phí nhân công	6.357.958.356	4.709.183.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.842.925	264.039.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.114.475.856	23.693.229.757
Chi phí khác bằng tiền	2.225.752.582	2.044.852.941
Cộng	42.455.550.473	30.711.305.168

29. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty vào ngày 28/04/2012 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ 13% vốn điều lệ, tương ứng 2.288.000.000 đồng. Theo đó, việc thanh toán cổ tức được chia làm ba đợt:

- Đợt 1: 6% vốn điều lệ, ngày chốt danh sách cổ đông 28/12/2011
- Đợt 2: 6% vốn điều lệ, ngày chốt danh sách cổ đông 04/04/2012
- Đợt 3: 1% vốn điều lệ, ngày chốt danh sách cổ đông 06/07/2012

Ngày 24/10/2012, Công ty cũng đã chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 với tỷ lệ cổ tức 7%. Thời gian chi trả tiền cổ tức vào ngày 14/11/2012.

30. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng Loan

234.313.580	72.280.000
1.022.224.000	192.450.000
5.920.331.151	5.264.804.648
3.705.748.154	3.150.023.213
985.911.500	551.484.000
3.447.512.448	4.526.977.376
3.746.475.968	3.722.656.896
485.023.540	3.042.127.228
402.338.000	232.900.100
4.949.251.680	1.493.930.560